

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025

V/v tranh chấp

Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu T, xã V, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Anh **Ngô Duy P**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu D, xã V, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 10/7/2025, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Duy P tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2025 tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng tại khu T, xã V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn, đến tháng 3 năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay, không ai quan tâm ai. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể

kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025. Hiện nay con chung đang ở với chị N, cháu K còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần sự chăm sóc của người mẹ nên chị N xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

2. *Phía bị đơn anh Ngô Duy P*: Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo P đến làm việc nhiều lần nhưng anh P đều vắng mặt, do vậy hồ sơ không thể hiện quan điểm của anh P.

3. *Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2025 của bà Nguyễn Thị S (Mẹ đẻ của anh Ngô Duy P) trình bày*: Chị N và anh P tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2025 tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, vợ chồng ra ở riêng tại khu T, xã V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được khoảng một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 4 năm 2025 cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm ai. Hiện nay anh P đi làm thuê nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể. Anh P đã biết chị N xin ly hôn anh P. Còn việc anh P có về Tòa án để giải quyết hay không bà không được biết. Nay chị N xin ly hôn thì anh P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025, hiện nay đang ở cùng với chị N. Nếu chị N và anh P ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. *Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2025 tại UBND xã V* thể hiện tình trạng hôn nhân của chị N, anh P. Địa P xã V đã xác nhận: Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị N, anh P có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2025 đến nay. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025, hiện nay đang ở cùng với chị N, cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P hiện là lao động tự do, anh biết được chị N làm đơn xin ly hôn với anh nhưng anh P đi làm ăn nên anh có đến Tòa án làm việc hay không địa P không rõ.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Duy P.

[2] Về con chung: Giao con chung Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên. Anh Ngô Duy P không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Nguyễn Thị N tự nguyện không yêu cầu và anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Ngô Duy P có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2

Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị N có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Bị đơn anh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh P vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Ngô Duy P kết hôn ngày 07/02/2025, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ). Hôn nhân giữa chị N và anh P được xác lập trên cơ sở tự nguyện do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị N, bà S là mẹ đẻ anh P và việc xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P tại UBND xã V thì xác định được hôn nhân của chị N và anh P không hoà thuận hạnh phúc, đã xảy ra mâu thuẫn từ năm cuối tháng 4 năm 2025 và hiện vợ chồng đang sống ly thân, không liên lạc, không quan tâm đến nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, dẫn đến xảy ra tranh cãi, bất hoà. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh P đến Tòa án làm việc, để anh P trình bày quan điểm ý kiến cũng như hòa giải quan hệ hôn nhân nhưng anh P đều vắng mặt, mặc dù anh P đã biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị N với anh nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc. Điều đó, thể hiện anh P không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị N được ly hôn anh P là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025. Quá trình giải quyết vụ án chị N trình bày từ khi vợ chồng ly thân con chung chủ yếu do chị chăm sóc nuôi dưỡng, lại đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hơn nữa, anh P là lao động tự do đi làm ăn, không thường xuyên có mặt tại địa P. Do vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc chăm nom, nuôi dưỡng, sự phát triển về mọi mặt của con chung nên giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Khoản 1, 3 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35;

điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ngô Duy P.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Duy K, sinh ngày 09/3/2025, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N không yêu cầu.

Anh Ngô Duy P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000164 ngày 11/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 6 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã V;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Trần Việt Dũng

